

Bản án số: 71/2022/DS-PT

Ngày: 30/3/2022

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Minh Dũng

- *Các Thẩm phán:* Ông Lê Văn Duy

Bà Đỗ Thị Thắm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Duy Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Lữ Thị Xuân Dương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 75/2022/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Đình T, sinh năm 1953 (có mặt)

Cư trú: Thôn Thạch Long, xã Đ, huyện H, Bình Định.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn A, sinh năm 1968 (có mặt)

Cư trú: Thôn Lộc Giang, xã Đ, huyện H, Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Cư trú: Thôn Thạch Long, xã Đ, huyện H, Bình Định.

2. Anh Võ Xuân T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cư trú: Thôn Thạch Long, xã Đ, huyện H, Bình Định.

3. Anh Võ Đình Q, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cư trú: Thôn Khoa Trường, xã Đ, huyện H, Bình Định.

4. Chị Võ Thị D, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cư trú: Thôn Thanh T1, thị trấn T, huyện H, Bình Định.

5. Anh Võ Đình M, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Quận N, thành phố Đ.

6. Ủy ban nhân dân huyện H (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện H: Ông Huỳnh Văn V – Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện H (Giấy ủy quyền số 765/GUQ-UBND ngày 20/4/2021).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Đình T trình bày:

Năm 2004 ông có Tê công phát dọn diện tích đất rẫy tại thôn Thạch Long, xã Đ, huyện H để trồng keo nguyên liệu giấy; đến năm 2006 thì được UBND huyện H cấp quyết định giao diện tích đất đó cho vợ chồng ông (vợ ông là Nguyễn Thị N đứng tên); đến năm 2011 thì UBND huyện H cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho vợ chồng ông, theo Giấy chứng nhận số hiệu CH00143, ngày 26/4/2011; số thửa 416 tờ bản đồ số 01 khoảnh 2 tiểu khu 139B, diện tích 7.244,7m². Vợ chồng ông đã sử dụng trồng keo, ổn định từ năm 2004, không có ai tranh chấp. Đến năm 2015 ông khai thác lứa keo thứ 3, sau đó ông phát dọn trồng lại lứa keo khác thì ông Lê Văn An đến tranh chấp, không cho ông trồng, ông đã khiếu nại đến chính quyền địa phương, nhưng không giải quyết được, nên ông khởi kiện yêu cầu ông An phải khai thác toàn bộ số keo đã trồng trên diện tích đó để trả lại đất cho ông, vì keo ông An trồng đến nay đã hơn 6 năm, khai thác được, ông không yêu cầu thẩm định lại thửa đất, ông chấp nhận diện tích thực tế là 4.774m² theo bản vẽ của Tòa án năm 2016. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận của ông An thì ông không chấp nhận, vì đất đó đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận cho vợ chồng ông đúng theo quy định.

Bị đơn ông Lê Văn An trình bày: Thừa đất tranh chấp do ông tự khai hoang từ năm 1998, trồng mỳ; năm 2002 nhà nước T hồi đất của ông và một số hộ khác để trồng rừng theo dự án; đến năm 2011 nhà nước trả lại đất cho dân, nhưng do phần đất của ông còn cây keo của ông T, nên năm 2015 ông T khai thác keo, trồng lại lứa khác, ông đến ngăn cản; ông trồng keo trên toàn bộ diện tích đất đó. Nay ông không chấp nhận yêu cầu của ông T và đề nghị hủy giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông T, để ông làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với diện tích đất đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là vợ ông T nên bà thống nhất toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn, không có ý kiến gì thêm.

2. Anh Võ Xuân T, Võ Đình Mến, Võ Thị Duyên, Võ Đình Q trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn ông Võ Đình T, không có bổ sung gì thêm.

3. Đại diện UBND huyện trình bày: Thừa đất tranh chấp do ông T tự khai hoang sử dụng trồng cây keo từ năm 2004, sau đó làm thủ tục xin cấp QSD đất. Ngày 03/8/2006 UBND huyện H ra quyết định số 583/QĐ-UBND giao diện tích đất đó cho vợ chồng ông T, bà N; vợ chồng ông T sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp. Đến năm 2011 ông T làm thủ tục và được UBND huyện H cấp giấy chứng

nhận QSDĐ cho vợ chồng ông T, Giấy chứng nhận số hiệu CH00143, ngày 26/4/2011; số thửa 416 tờ bản đồ số 01 khoảnh 2 tiểu khu 139B, diện tích 7.244,7m²; trình tự, thủ tục chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng đã thực hiện đúng theo quy định; việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ là hoàn toàn đúng pháp luật; Nay ông An tranh chấp đòi lại thửa đất đó là không có cơ sở, UBND huyện H không chấp nhận yêu cầu của ông An về việc hủy giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận QSDĐ của ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị N, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu CH00143, cấp ngày 26/4/2011; có số thửa 416 tờ bản đồ số 01 khoảnh 2 tiểu khu 139B, diện tích 7.244,7m², tại thôn Thạch Long 1, xã Đ, huyện Hoài An, tỉnh Bình Định; diện tích thực tế là 4.774m².

Buộc ông Lê Văn A phải khai thác toàn bộ số cây keo nguyên liệu giấy đã trồng trên diện tích 4.774m², để trả lại diện tích đất lấn chiếm cho ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị N; tại thửa số hiệu 416 tờ bản đồ số 01 khoảnh 2 tiểu khu 139B, tại thôn Thạch long 1, Đ, H, Bình Định.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn, về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện H cấp cho ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị N.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 01/11/2021, Bị đơn ông Lê Văn An kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H. Tại phiên tòa ông An kháng cáo yêu cầu tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn An, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Xuân T, anh Võ Đình Q, chị Võ Thị Duyên, anh Võ Đình Mến, UBND huyện H vắng mặt. Do đó Tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Văn A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thửa đất tranh chấp số thửa 416 tờ bản đồ số 01 khoảnh 2 tiểu khu 139B, diện tích 7.244,7m², diện tích đo đạc thực tế là 4.774m² do ông T tự khai hoang sử dụng trồng cây keo từ năm 2004, sau đó làm thủ tục xin cấp QSD đất. Ngày 03/8/2006 UBND huyện H ra quyết định số 583/QĐ-UBND giao diện tích đất đó cho vợ chồng ông T, bà N; vợ chồng ông T sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp. Đến năm 2011 ông T làm thủ tục và được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận QSDĐ

cho vợ chồng ông T, Giấy chứng nhận số hiệu CH00143, ngày 26/4/2011. UBND huyện H xác nhận giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho vợ chồng ông T là hoàn toàn đúng pháp luật. Ông A cho rằng diện tích đất tranh chấp Tộc quyền sử dụng của mình, nhưng ông A không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình, ông A cũng không đăng ký, kê khai đất. Trong thời gian ông T sử dụng từ năm 2004 đến năm 2014 ông A cũng không có tranh chấp hay khiếu nại gì với ông T về việc UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho ông T. Do đó án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công nhận QSDĐ của ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu CH00143, cấp ngày 26/4/2011; có số thửa 416 tờ bản đồ số 01 khoảnh 2 tiểu khu 139B, diện tích 7.244,7m², tại thôn Thạch long 1, xã Đ, huyện Hoài A, tỉnh Bình Định; diện tích thực tế là 4.774m² và không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc hủy giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông T, bà N là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với số cây keo ông A trồng trên thửa đất số 416 tờ bản đồ số 01 khoảnh 2 tiểu khu 139B từ năm 2015 đã hơn 06 năm tuổi nên đã đến hạn khai thác, do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông An phải khai thác toàn bộ số cây keo nguyên liệu giấy đã trồng trên diện tích 4.774m², để trả lại diện tích đất lần chiếm cho ông T, bà N là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Lê Văn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ông An phải chịu 300.000 đồng.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 4; Điều 5; khoản 2 Điều 49; khoản 7 Điều 50; khoản 2 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 203 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn A. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đình T. Công nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị N đối với thửa đất số 416, tờ bản đồ số 01, khoảnh 2 tiểu khu 139B, diện tích 7.244,7m², diện tích thực tế là 4.774m² tại thôn Thạch long 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00143 ngày 26/4/2011.

Buộc ông Lê Văn A phải khai thác toàn bộ số cây keo nguyên liệu giấy đã trồng trên diện tích 4.774m² tại thửa đất số 416, tờ bản đồ số 01, khoảnh 2 tiểu khu 139B, tại thôn Thạch long 1, Đ, H, Bình Định để trả lại diện tích đất lấn chiếm này cho ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị N.

Thửa đất có giới cận: Đông giáp rẫy ông Sương; Tây giáp rẫy ông Dũng và ông Minh; Nam giáp rẫy ông An; Bắc giáp rẫy ông Khả (Có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Lê Văn An về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00143 ngày 26/4/2011 do UBND huyện H cấp cho ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị N.

3. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự:

3.1. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ sơ thẩm: Ông Lê Văn A phải chịu 2.000.000 đồng, ông Võ Đình T đã tạm ứng trước nên ông Lê Văn An phải hoàn trả cho ông T 2.000.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn A phải nộp 300.000đ; Hoàn trả cho ông Võ Đình T 1.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai T số 00193 ngày 14/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn A phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông An đã nộp theo Biên lai T tiền số 0010406 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H (đã nộp xong).

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng